

Số: 227/2020/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 03 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 106/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Mỹ D, sinh năm 1988.

Địa chỉ: 2/22/27 N, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Địa chỉ liên lạc: 17/152 N, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: Anh Ngô Đức H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: 14/3/187 P, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 5 năm 2020;

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phan Thị Mỹ D và anh Ngô Đức H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Phan Thị Mỹ D và anh Ngô Đức H xác nhận có 01 con chung là Ngô Thị Cẩm L, sinh ngày 21/4/2012.

Chị D và anh H thống nhất giao cháu L cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Hiếu không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Phan Thị Mỹ D và anh Ngô Đức H xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Phan Thị Mỹ D và anh Ngô Đức H xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự: Chị Phan Thị Mỹ D và anh Ngô Đức H mỗi người phải chịu 75.000đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng), chị D và anh H thỏa thuận chị D chịu án phí ly hôn thay cho anh H và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 009621 ngày 02/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Hoàn trả lại cho chị D số tiền 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh TT.Huế;
- VKSND TP. H;
- Chi cục THADS TP H;
- Các đương sự;
- UBND phường P, TP Huế  
(ĐKKH số 31/2012, quyền số:  
01/2012 ngày 10/4/2012);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP.

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Trần Dũng**